

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về đối tượng áp dụng, nguyên tắc thành lập, quản lý, điều hành, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm; việc thành lập, quản lý, điều hành, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm; nguồn hình thành, hoạt động chi, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương; trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện, quản lý, điều hành Quỹ phòng, chống tội phạm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia trực tiếp hoặc hỗ trợ công tác phòng, chống tội phạm, công tác xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

### **Điều 3. Nguyên tắc thành lập, quản lý, điều hành, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm**

1. Quỹ phòng, chống tội phạm là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương (gọi là Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương) và ở các tỉnh, thành phố (gọi chung là Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh) để hỗ trợ cho công tác phòng, chống tội phạm, công tác xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

2. Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương do Bộ trưởng Bộ Công an quản lý, điều hành. Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, quản lý, điều hành hoặc ủy quyền quản lý, điều hành.

3. Quỹ phòng, chống tội phạm được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 14/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

4. Việc lập dự toán, thanh toán, kế toán, quyết toán, kiểm toán đối với Quỹ phòng, chống tội phạm được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước, kế toán và kiểm toán.

5. Số kinh phí kết dư và các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện của Quỹ phòng, chống tội phạm cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục quản lý, sử dụng.

6. Đối với các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương do bên tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện cung cấp bằng hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác, Bộ Công an chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, theo dõi, phân bổ, phối hợp với bên tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện để xác định giá trị khoản hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác được tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương và thực hiện việc hạch toán thu, chi, quyết toán theo quy định.

7. Đối với các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh do bên tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện cung cấp bằng hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, theo dõi, phân bổ, phối hợp với bên tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện để xác định giá trị khoản hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác được tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh và thực hiện việc hạch toán thu, chi, quyết toán theo quy định.

8. Được sử dụng số dư của Quỹ phòng, chống tội phạm để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển ngân sách hoạt động của Quỹ phòng, chống tội phạm.

#### **Điều 4. Thành lập, giải thể và nguồn hình thành Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, giải thể Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương.

2. Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương được thành lập theo Quyết định số 04/2019/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm tiếp tục hoạt động theo quy định của Quyết định này.

3. Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương được hình thành từ các nguồn sau:

a) Số dư từ Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương đã được hình thành theo Quyết định số 04/2019/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm.

b) Các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện từ nguồn hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác phòng, chống tội phạm.

c) Thu lãi từ tài khoản tiền gửi của Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương.

d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Nội dung chi và định mức chi từ Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương**

Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

1. Thưởng đột xuất bằng tiền cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tội phạm. Mức tiền thưởng cụ thể cho từng trường hợp cá nhân, tập thể do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tối đa đối với cá nhân là 20.000.000 đồng/người/lần thưởng và tối đa đối với tập thể là 50.000.000 đồng/tập thể/lần thưởng.

2. Hỗ trợ tiền đền bù, trợ cấp đột xuất đối với người trực tiếp tham gia phòng, chống tội phạm bị thiệt hại về sức khỏe và tài sản, gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người trực tiếp tham gia phòng, chống tội phạm bị thiệt hại về tính mạng.

Mức hỗ trợ tiền đền bù thiệt hại về tài sản cụ thể đối với người bị thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên (trừ trường hợp được giải quyết theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự; giá trị tài sản bị thiệt hại được xác định theo giá thị trường của tài sản đó tại từng địa phương vào thời điểm tài sản bị thiệt hại, kể cả tính khấu hao tài sản) do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tối đa 50.000.000 đồng/tài sản/lần đền bù.

Mức trợ cấp đột xuất cụ thể đối với người bị thiệt hại về sức khỏe do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tối đa 20.000.000 đồng/người/lần trợ cấp.

Mức trợ cấp đột xuất cụ thể đối với gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người trực tiếp tham gia phòng, chống tội phạm bị thiệt hại về tính mạng do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tối đa 100.000.000 đồng/người chết/lần trợ cấp.

3. Hỗ trợ một lần tiền bằng một lần mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ cho nạn nhân bị mua bán tại thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận là nạn nhân.

4. Hỗ trợ các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện bằng hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác từ nguồn hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác phòng, chống tội phạm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm; tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tội phạm; người trực tiếp tham gia phòng, chống tội phạm bị thiệt hại về sức khỏe và tài

sản, gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người trực tiếp tham gia phòng, chống tội phạm bị thiệt hại về tính mạng. Trường hợp các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện từ nguồn hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho công tác phòng, chống tội phạm thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

## **Điều 6. Trách nhiệm thực hiện quản lý, điều hành Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương**

### **1. Bộ Công an**

a) Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, sử dụng và thanh toán, quyết toán Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương.

Bộ trưởng Bộ Công an giao trách nhiệm cho đơn vị trực thuộc thực hiện theo dõi, quản lý, cấp và thanh toán, quyết toán Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương theo quy định tại Quyết định này.

b) Tổ chức huy động tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện và tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước cho Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương.

c) Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục thực hiện nội dung chi của Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương theo Quyết định này và quy định khác pháp luật có liên quan.

d) Tổng hợp tình hình quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp chung và đăng lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công an theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **2. Bộ Tài chính**

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương, trong đó: hướng dẫn việc tiếp nhận, bổ sung kinh phí, các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương theo các nguồn hình thành quy định tại Điều 4 của Quyết định này; quy định nguyên tắc lựa chọn ngân hàng thương mại để mở tài khoản Quỹ, về tỷ lệ vốn gửi bảo đảm an toàn vốn và linh hoạt dòng tiền;

hướng dẫn cách xác định giá trị, tiêu chí, trình tự, thủ tục tiếp nhận, việc sử dụng, bảo quản, bàn giao đối với các khoản tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp tự nguyện bằng hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác theo Quyết định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an trong việc kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương và việc ban hành văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện nội dung chi của Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương theo Quyết định này.

### **Điều 7. Thành lập, quản lý, điều hành Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh**

1. Căn cứ tình hình, nhu cầu thực tế từng địa phương và quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, quản lý, điều hành và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm của địa phương mình, trong đó có việc xem xét, quyết định hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách địa phương cho Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh và xem xét, quyết định ủy quyền quản lý, điều hành Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh.

2. Quỹ phòng, chống tội phạm cấp tỉnh được thành lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định này.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

2. Quyết định số 04/2019/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Đối với nội dung chi đã được Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mà đến ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được thực hiện hoặc chưa thực hiện xong thì thực hiện theo quy định của Quyết định số 04/2019/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới, các nội dung liên quan quy định tại Quyết định này được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 70

